

THÔNG BÁO
Về việc chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2018
cho Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Nham

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của UBND tỉnh Về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng của tỉnh Kon Tum và dự toán chi phí quản lý của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Kon Tum năm 2018;

Căn cứ số liệu diện tích rừng được chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2018 của Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Nham được Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh, Chi cục Kiểm lâm và Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Nham xác nhận;

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh xác định và thông báo chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) năm 2018 cho Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Nham, cụ thể như sau:

1. Tổng số tiền chi trả DVMTR năm 2018: 5.312.678.696 đồng (Năm tỷ, ba trăm mười hai triệu, sáu trăm bảy mươi tám ngàn, sáu trăm chín mươi sáu đồng), trong đó:

- Tiền chi trả DVMTR đã tạm ứng: 2.926.694.000 đồng (Hai tỷ, chín trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi bốn ngàn đồng);

- Tiền chi trả DVMTR thanh toán đợt này: 2.385.984.696 đồng (Hai tỷ, ba trăm tám mươi lăm triệu, chín trăm tám mươi bốn ngàn, sáu trăm chín mươi sáu đồng).

(có biểu chi tiết kèm theo)

2. Trách nhiệm của Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Nham:

2.1. Khẩn trương lập thủ tục thanh toán tiền DVMTR năm 2018 gửi về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh trước ngày 25/01/2019 theo địa chỉ: số 11 Trần Nguyên Hãn, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum để kiểm tra, chi trả theo quy định.



2.2. Quản lý, sử dụng tiền chi trả DVMTR theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp và các quy định khác có liên quan.

2.3. Xác định và chi trả tiền DVMTR cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn nhận khoán bảo vệ rừng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

2.4. Chịu sự kiểm tra, giám sát về tình hình quản lý, sử dụng tiền chi trả DVMTR của các cơ quan chức năng; thực hiện thanh quyết toán theo loại hình hoạt động của đơn vị mình và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định.

Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh thông báo để Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Nham biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Nham;
- Sở Nông nghiệp và PTNT;
- UBND huyện Kon Plông;
- Giám đốc;
- Phòng TC-HC-KT;
- Lưu VT, KH-KT.

GIÁM ĐỐC



Hồ Thanh Hoàng



UBND TỈNH KON TUM
QUỸ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG CHI TRẢ NĂM 2018

(Kèm theo Thông báo số 99 /TB-QBVPTR ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh)

1. Tên bên cung ứng: Ban quản lý rừng phòng hộ Thạch Nham
2. Địa Chỉ: Xã Hiếu, huyện Kon Plông.
3. Nội dung chi tiết:

TT	Bên sử dụng DVMTR	Diện tích rừng cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích quy đổi theo hệ số K (ha)	Số tiền chi trả cho 01 ha rừng (đồng/ha)	Số tiền được chi trả (đồng)	Số tiền đã tạm ứng (đồng)	Số tiền còn được thanh toán (đồng)
1	2	3	4	5	6=5*4	7	8=6-7
	Tổng	10.640,08	10.108,08		5.312.678.696	2.926.694.000	2.385.984.696
A	Chi theo lưu vực thủy điện	10.640,08	10.108,08		5.217.096.327	2.926.694.000	2.290.402.327
I	Lưu vực sông Sê San	228,58	217,15	827.746	179.745.898	100.834.105	78.911.793
1	Nhà máy thủy điện IaLy	228,58	217,15	435.274	94.520.272	53.024.114	41.496.158
2	Nhà máy thủy điện Sê San 3	228,58	217,15	145.447	31.584.063	17.718.072	13.865.991
3	Nhà máy thủy điện Sê San 3A	228,58	217,15	27.792	6.035.006	3.385.526	2.649.480
4	Nhà máy thủy điện Sê San 4	228,58	217,15	152.385	33.090.556	18.563.186	14.527.370
5	Nhà máy thủy điện Sê San 4A	228,58	217,15	20.016	4.346.586	2.438.354	1.908.232
6	Nhà máy thủy điện Đăk Ne	228,58	217,15	40.959	8.894.190	4.989.475	3.904.715
7	Nhà máy thủy điện Đăk Bla 1	228,58	217,15	5.873	1.275.225	715.378	559.847
II	Nhà máy thủy điện Đăk Đrinh	10.411,50	9.890,93	509.290	5.037.350.429	2.825.859.895	2.211.490.534
B	Chi trả cho diện tích rừng trong các lưu vực có đơn giá thấp (thuộc lưu vực thủy điện Đăk Đrinh)	10.411,50	9.890,93	9.436	93.328.926	-	93.328.926
C	Chi trả cho diện tích rừng trong các lưu vực có đơn giá thấp từ số tiền không xác định được đối tượng nhận tiền (thuộc lưu vực thủy điện Đăk Đrinh)	10.411,50	9.890,93	228	2.253.443		2.253.443